



17/8/21

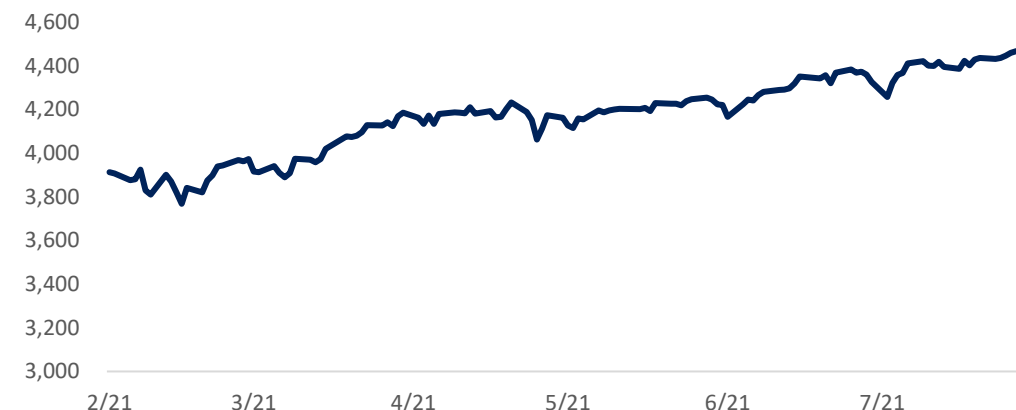
# **DAILY** MORNING

Chỉ báo vĩ mô Trung Quốc kém khả  
quan

|                   | 17/8     | % Sáng<br>17/8 | 16/8     | % Ngày<br>16/8 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,370.96 | 1.03%          | 0.82%  | 5.95%   |
| S&P 500           |          |                | 4,479.71 | 0.26%          | 1.07%  | 2.74%   |
| S&P500<br>Futures | 4,465.75 | -0.18%         | 4,474.00 | 0.26%          | 0.81%  | 3.41%   |
| Shanghai          |          |                | 3,517.35 | 0.03%          | 0.65%  | -1.33%  |
| Euro Stoxx        |          |                | 4,202.44 | -0.64%         | 0.61%  | 3.60%   |

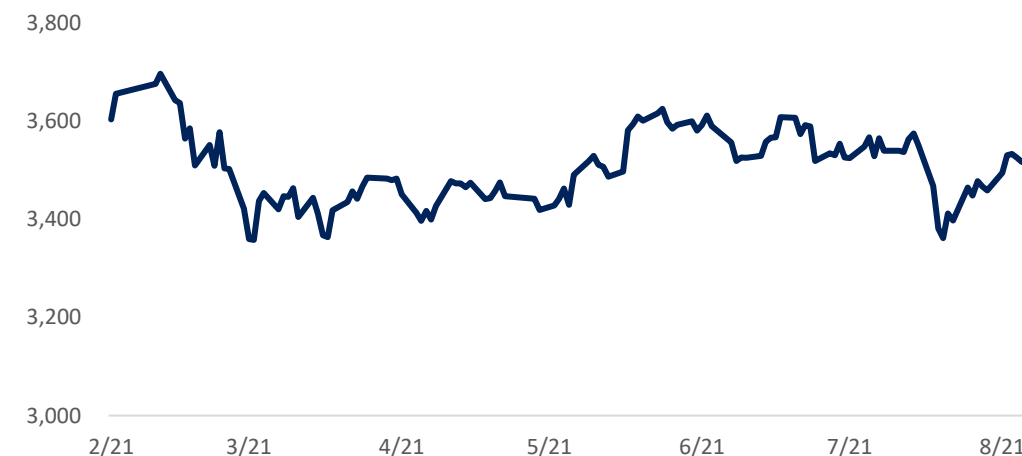
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | PTKT                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Tại Trung Quốc, bán lẻ hàng hóa tăng 8.5% YoY trong tháng 7, sau khi tăng 12.1% YoY trong tháng 6. Sản lượng công nghiệp tăng 6.4% YoY trong tháng 7, sau khi tăng 8.3% YoY trong tháng 6. Tỷ lệ thất nghiệp đạt 5.1% trong tháng 7, sau khi đạt 5% trong tháng 6.</li> <li>Tổng cục Thống kê Trung Quốc nhận định vận động hồi phục kinh tế thiếu ổn định, không đồng đều giữa các tỉnh, trong bối cảnh dịch bùng phát cũng như thiên tai trong giai đoạn vừa qua.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kháng cự 4400       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hỗ trợ 3500         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

S&P 500 6 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

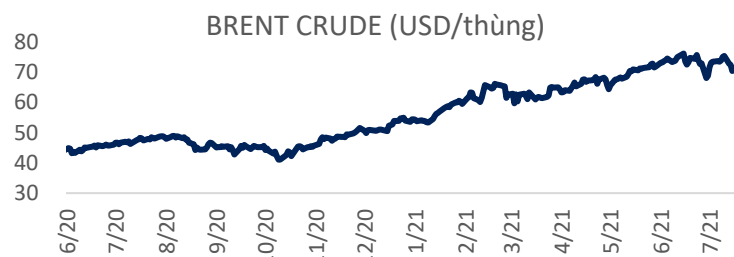
Shanghai Composite Index 6 tháng gần nhất



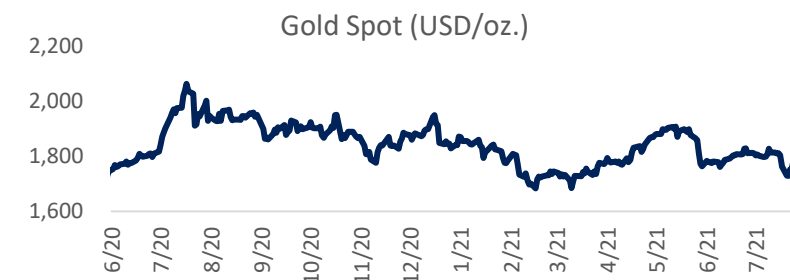
Nguồn: Bloomberg, BSC

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 17/8     | % Sáng 17/8 | 16/8    | % 16/8 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 67.40    | 0.16%       | 67.29   | -1.68% | -1.30% | -5.81%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 69.62    | 0.16%       | 69.51   | -1.53% | -1.43% | -4.59%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 220.89   | 0.36%       | 220.09  | -2.73% | -2.60% | (0.01)  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,786.62 | -0.05%      | 1787.45 | 0.43%  | 3.34%  | -1.40%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 23.87    | 0.13%       | 23.84   | 0.39%  | 2.27%  | -6.98%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,375.25 | 0.51%       | 1368.25 | 0.00%  | 2.88%  | -1.19%  | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 777.25   | 0.29%       | 775.00  | 0.00%  | 5.10%  | 11.08%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt. |          |             | 17.60   | -0.11% | 6.15%  | 1.68%   | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 222.90   | 0.91%       | 220.90  | -0.76% | 0.32%  |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 20.03   | 0.40%  | 8.45%  | 15.58%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 186.25  | 0.27%  | 2.08%  | 16.48%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 9442.00 | -1.34% | 0.77%  | -0.47%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 5,323.00 | -1.24%      | 5390.00 | -0.96% | -1.90% | -3.13%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 2602.00 | 0.08%  | 2.08%  | 3.34%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 847.00   | -0.06%      | 847.50  | 1.92%  | 0.77%  | -24.88% | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 169.75  | 0.98%  | 3.95%  | 19.33%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC



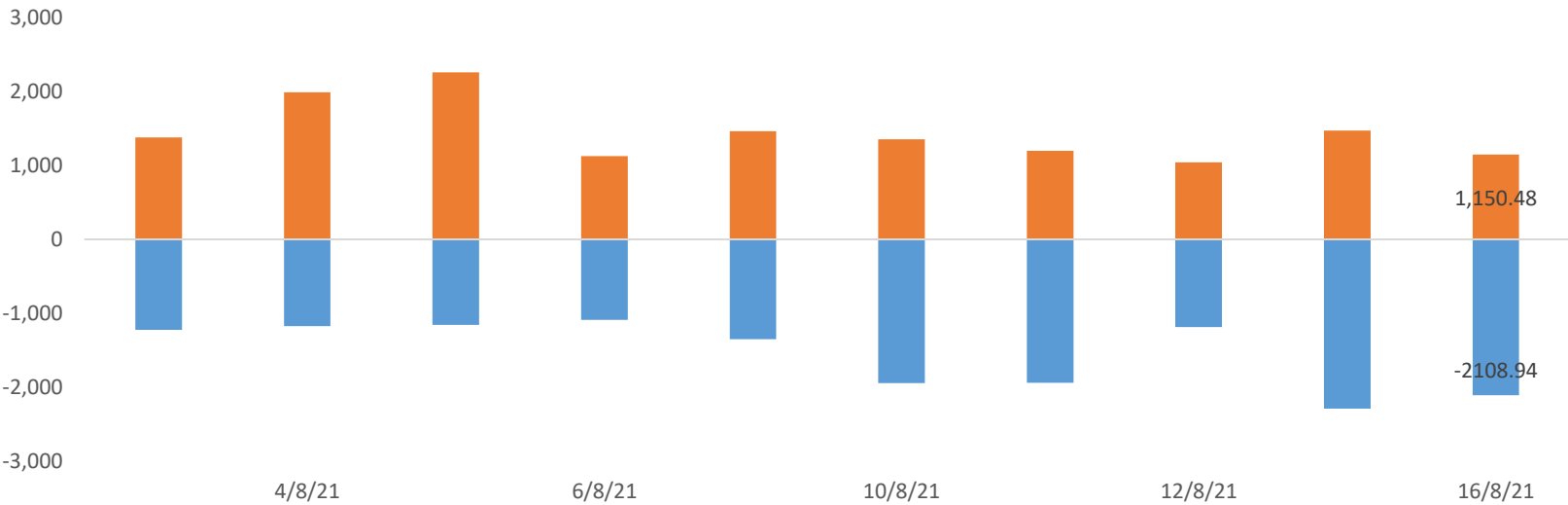
ETF Fubon bán 52 triệu USD trong 9 phiên bán ròng liên tiếp

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VNM        | 553.4            | 19.7            | 0                  | 0.7%         | 2.0                       | 3.0   | 5.8  | 13.8  | ETF VNM tăng quy mô; Fubon, Diamond giảm quy mô. Các ETFs khác có trạng thái cân bằng.<br>6.5 Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua ròng tại thị trường Indain, Indonesia, Malaysia, Taiwan, Thailand và bán ở các thị trường còn lại. |
| FTSE       | 446.6            | 44.3            | 0                  | 0.2%         | 0.0                       | 0.8   | 1.2  | -15.2 |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| iShare     | 483.1            | 33.4            | 0                  | 1.5%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0  | 6.5   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| E1VFN30    | 441.3            | 1.1             | 0.0                | 1.5%         | 0.0                       | -5.3  | 7.8  | 31.2  |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUEVFN30   | 605.4            | 1.1             | -2.8               | 1.5%         | -3.2                      | -1.6  | 2.5  | 3.5   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUBON FTSE | 519.4            | 0.6             | -16.5              | -1.0%        | -9.8                      | -42.8 | 40.7 | 75.2  |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVFL   | 118.2            | 0.9             | 0.0                | 3.4%         | 0.0                       | -0.6  | -0.2 | -2.9  |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVN30  | 3.8              | 0.8             | 0.0                | 0.5%         | 0.0                       | 0.3   | 0.3  | -0.5  |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUEMAVN30  | 26.8             | 0.8             | 0.0                | 1.1%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0  | 2.2   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VN100      | 4.7              | 0.8             | 0.0                | 1.0%         | 0.0                       | 0.5   | 0.5  | 0.6   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| KIM        | 186.9            | 19.1            | 0.0                | 0.0          | 0.0                       | 0.0   | 7.4  | 1.9   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| PREMIA     | 29.1             | 13.0            | 0                  | -0.2%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0  | 0.5   |                                                                                                                                                                                                                                                      |

| Khối ngoại<br>(tr. USD) | Ngày     | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------|----------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                | -40.28   | -40.28                | -27.01                 |
| ASEAN4*                 | 32.03    | 140.45                | -505.07                |
| Ấn Độ                   | 39.02    | 128.12                | 626.16                 |
| Đài Loan                | 297.76   | 297.76                | 1464.26                |
| Hàn Quốc                | -2228.31 | -6098.63              | -4429.88               |
| Nhật Bản                |          | 951.48                | 951.50                 |
| Trung Quốc              |          |                       | -362.74                |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM % |
|---------------------|-------|
| Việt Nam            | -1.29 |
| Thái Lan            | 1.00  |
| Singapores          | -1.29 |
| Phillippines        | 0.67  |
| Malaysia            | -0.46 |



Nguồn: Fiinpro, BSC



# Kiểm tra vùng kháng cự 1370-1380

## Tin vĩ mô

- Theo NHNN, sáu tháng đầu 2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 4.43% so với cuối năm 2020. Dư nợ tín dụng tăng 6.44% so với cuối năm 2020.
- Bộ Tài chính đề xuất nâng mức dư nợ vay của Đà Nẵng lên không vượt quá 60% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp
- Chủ tịch UBND TP HCM yêu cầu nâng tỷ lệ khoảng 5-10% doanh nghiệp tổ chức sản xuất trở lại trong điều kiện an toàn phòng chống dịch, từ ngày 15/8 đến 15/9.
- Chính phủ có tờ trình gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết ban hành một số giải pháp miễn, giảm thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1380      |
| Hỗ trợ   | 1300      |



Nguồn: FireAnt, BSC

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          |              |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                          |              |       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------|-------|
| <b>DXG</b><br><br><b>23.8</b><br><br>Địa Ốc Đất Xanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Xu hướng hiện tại        | Kháng cự     | 26   | <b>NT2</b><br><br><b>19.25</b><br><br>Điện lực Nhơn Trạch 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xu hướng hiện tại        | Kháng cự     | 20.35 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tăng giá                 | Hỗ trợ       | 21.5 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tăng giá                 | Hỗ trợ       | 18.7  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bsc Khuyến nghị kỹ thuật | MACD         | ↑    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bsc Khuyến nghị kỹ thuật | MACD         | ↑     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          | RSI          | ↑    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                          | RSI          | ↑     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          | Moving Avg   | ↔    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                          | Moving Avg   | ↑     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          | Giá mục tiêu | 28   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                          | Giá mục tiêu | 22    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khả quan                 | Upside       | 22%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tích cực                 | Upside       | 16%   |
| <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 5242.6 tỷ đồng , tăng trưởng 6.62 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 491.62 tỷ đồng , tăng trưởng -68.5 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 33.79 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 43.86 %.                                                                                             |                          |              |      | <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 6008.51 tỷ đồng , tăng trưởng -19.76 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 561 tỷ đồng , tăng trưởng -26.19 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt -0.69 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt -10.8 %.                                                                                             |                          |              |       |
| <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 2.1 % ROA trung bình 3 năm của công ty là 10.87 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 5.26 % . ROE trung bình 3 năm của công ty là 23.85 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 61.94 % . Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 55.69 % . |                          |              |      | <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 7.76 % ROA trung bình 3 năm của công ty là 8.98 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 13.31 % . ROE trung bình 3 năm của công ty là 18.59 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 13.28 % . Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 15.32 % . |                          |              |       |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

- CMX: Đã thông qua phương án phát hành 30 triệu cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp, với giá chào bán 11.700 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán là 351 tỷ đồng, sẽ được sử dụng cho "Dự án đầu tư xây dựng, nghiên cứu, sản xuất thủy sản công nghệ cao".
- VSC: Ngày 11/8, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc mua 36% cổ phần tại CTCP Cảng Vinalines Đình Vũ từ các cổ đông của Cảng Vinalines Đình Vũ.
- DNC: Ngày 07/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng 08/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/10/2021.
- V12: Ngày 24/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 25/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/9/2021.
- PHP: Ngày 25/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 26/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/9/2021.
- CRC: Sẽ sử dụng 136 tỷ đồng góp vốn vào CTCP Công nghệ CRC (CRC Tech) để mua lại cổ phần của 10 Công ty đang thực hiện các dự án điện mặt trời áp mái ở rải rác các tỉnh Nam Trung Bộ và 14 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động.
- TCM: Trong tháng 7, doanh thu TCM đạt hơn 14 triệu USD (gần 331 tỷ đồng), giảm 3% và lãi sau thuế đạt 672.933 USD (hơn 15 tỷ đồng), giảm 47% so với cùng kỳ năm trước.
- L10: 6 tháng cuối năm 2021, L10 đặt mục tiêu giá trị sản lượng đạt 447 tỷ đồng và doanh thu đạt 450 tỷ đồng - giảm 28% so với 6 tháng cuối năm 2020. Ngoài ra, Công ty dự kiến đầu tư 38,5 tỷ đồng trong nửa cuối năm.
- TNH: Công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 25%. Nguồn vốn phát hành là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2020. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là hơn 103 tỷ đồng. Thời gian dự kiến phát hành là trong tháng 8 hoặc tháng 9/2021 sau khi được UBCK chấp thuận.
- TCD: Dự kiến phát hành hơn 87,2 triệu cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chào bán theo tỷ lệ 1:1 (tương ứng cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu mới).
- VSC: Dự kiến mua lại 36% cổ phần của CTCP Cảng Vinalines Đình Vũ từ các cổ đông hiện hữu. Doanh nghiệp giao cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc ký kết các hợp đồng chuyển nhượng.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*